

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Hà Nội, tháng 3 năm 2011

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

Công ty

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20 tháng 7 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 15 tháng 4 năm 2010 với số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới 0100100745.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Power Construction Joint Stock Company No I

Tên viết tắt: PCC I

Trụ sở chính : Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Văn Tuấn	Chủ tịch
Ông Vũ Văn Tứ	Phó Chủ tịch
Ông Chu Tuấn Ngọc	Ủy viên
Ông Võ Hồng Quang	Ủy viên
Bà Mai Thị Hiền	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính gồm:

Ban Giám đốc

Ông Trịnh Văn Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Tứ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Văn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Văn Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc

Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

(Đã ký)

Trịnh Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2011

Số: 183/2011/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
 Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I (gọi tắt là “Công ty”) được trình bày từ trang 05 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

(Đã ký)

Nguyễn Phú Hà
Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0389/KTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM

Thành viên đại diện Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2011

(Đã ký)

Trương Văn Nghĩa
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1140/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		690.519.953.911	737.311.562.290
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	73.424.752.841	106.604.646.619
1. Tiền	111		14.424.086.174	23.461.213.604
2. Các khoản tương đương tiền	112		59.000.666.667	83.143.433.015
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		365.159.072.233	369.441.034.261
1. Phải thu khách hàng	131		278.341.861.133	259.671.628.432
2. Trả trước cho người bán	132		72.366.140.076	79.404.386.078
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	17.296.610.186	30.640.371.023
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.845.539.162)	(275.351.272)
IV. Hàng tồn kho	140		246.145.933.606	255.294.713.812
1. Hàng tồn kho	141	5.3	246.145.933.606	255.294.713.812
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.790.195.231	5.971.167.598
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		232.908.314	50.266.004
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	5.557.286.917	5.920.901.594
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		78.259.479.834	52.978.334.478
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		41.718.278.439	27.310.147.338
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	38.720.729.930	27.310.147.338
<i>Nguyên giá</i>	222		83.568.115.662	69.730.004.595
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(44.847.385.732)	(42.419.857.257)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		1.108.070.000	-
<i>Nguyên giá</i>	228		1.108.070.000	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.6	1.889.478.509	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		32.605.075.547	24.879.565.696
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.7	28.005.075.547	22.279.565.696
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.8	4.600.000.000	2.600.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.936.125.848	788.621.444
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	3.816.691.732	716.671.103
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		119.434.116	71.950.341
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		768.779.433.745	790.289.896.768

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		562.582.412.682	642.445.595.259
(300 = 310+330)				
I. Nợ ngắn hạn	310		559.593.186.358	640.399.669.054
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.10	228.759.160.820	154.655.021.233
2. Phải trả người bán	312		156.499.452.374	88.698.091.343
3. Người mua trả tiền trước	313		36.525.948.074	301.009.640.141
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	20.524.874.163	24.874.214.432
5. Phải trả người lao động	315		16.337.524.957	15.403.189.245
6. Chi phí phải trả	316	5.12	69.016.843.003	31.293.933.984
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	17.729.376.217	22.509.638.449
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	5.14	10.374.066.523	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.825.940.227	1.955.940.227
II. Nợ dài hạn	330		2.989.226.324	2.045.926.205
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.15	1.892.516.666	1.157.500.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.096.709.658	888.426.205
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		206.197.021.063	147.844.301.509
(400 = 410+430)				
I. Vốn chủ sở hữu	410		206.197.021.063	147.844.301.509
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.16	100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.16	13.832.187.500	13.832.187.500
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	5.16	5.533.673	(526.782.391)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.16	7.653.853.642	5.153.853.642
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.16	5.065.870.180	2.565.870.180
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	5.16	1.250.000.000	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.16	78.389.576.068	26.819.172.578
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		768.779.433.745	790.289.896.768
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		TM	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
5. Ngoại tệ các loại				
USD			85.444,43	1.014.775,32

(Đã ký)

Trịnh Văn Tuấn

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2011

(Đã ký)

Đoàn Thị Liên

Trưởng phòng TC - KT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		897.312.581.288	614.330.557.854
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.17	897.312.581.288	614.330.557.854
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	768.148.666.400	553.622.510.601
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		129.163.914.888	60.708.047.253
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	13.941.701.637	1.996.615.965
7. Chi phí tài chính	22	5.19	28.723.617.715	11.039.274.422
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		28.723.617.715	11.039.274.422
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		24.795.142.529	18.366.668.031
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		89.586.856.281	33.298.720.765
11. Thu nhập khác	31	5.20	954.019.005	2.220.095.635
12. Chi phí khác	32	5.20	408.507.370	2.234.519.942
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		545.511.635	(14.424.307)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		90.132.367.916	33.284.296.458
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.21	18.252.934.542	5.526.956.379
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(119.434.116)	(71.950.341)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		71.998.867.490	27.829.290.420
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.22	7.200	3.734

(Đã ký)

Trịnh Văn Tuấn

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2011

(Đã ký)

Đoàn Thị Liên

Trưởng phòng TC - KT

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	90.132.367.916	33.284.296.458
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	6.600.062.464	9.736.358.812
- Các khoản dự phòng	03	13.152.537.866	186.353.313
- Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(14.531.209.348)	(1.901.930.253)
- Chi phí lãi vay	06	28.723.617.715	11.039.274.422
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước những thay đổi VLD	08	124.077.376.613	52.344.352.752
- Tăng/Giảm các khoản phải thu	09	2.027.905.040	(100.273.288.540)
- Tăng/Giảm hàng tồn kho	10	5.798.563.073	(68.404.872.081)
- Tăng/Giảm các khoản phải trả	11	(175.540.445.098)	136.060.596.915
- Tăng/Giảm chi phí trả trước	12	(3.282.662.939)	(232.332.392)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(28.739.283.648)	(11.034.302.964)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(9.118.931.201)	(4.121.951.515)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.130.000.000)	(204.929.719)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(85.907.478.160)	4.133.272.456
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(21.793.776.508)	(8.862.506.858)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	943.903.455	1.813.790.335
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.944.105.519)	(4.477.478.557)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13.941.701.637	1.905.441.544
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(10.852.276.935)	(9.620.753.536)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp từ CSH	31	-	43.828.187.500
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	416.143.882.676	336.216.049.147
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(341.304.726.423)	(275.355.507.729)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.791.611.000)	(8.409.444.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	63.047.545.253	96.279.284.918
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(33.712.209.842)	90.791.803.838
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	106.604.646.619	16.339.625.172
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	532.316.064	(526.782.391)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	73.424.752.841	106.604.646.619

(Đã ký)

Trịnh Văn Tuấn

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2011

(Đã ký)

Đoàn Thị Liên

Trưởng phòng TC - KT

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20 tháng 7 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 15 tháng 4 năm 2010 với số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới 0100100745.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Power Construction Joint Stock Company No I

Tên viết tắt: PCC I

Trụ sở chính: Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội.

Các đơn vị trực thuộc gồm:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
1. Văn phòng Công ty	583 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội
2. Chi nhánh I.3	Xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm, Hà Nội
3. Chi nhánh I.6	Văn La, phường Văn Khê, quận Hà Đông, Hà Nội
4. Trung tâm Tư vấn	Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội

Các Công ty con:

- Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Điện I - Ba La
- Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Điện I - Đại Mỗ
- Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Điện I Miền Nam
- Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Điện I - Mỹ Đình
- Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Điện I - Hoàng Mai
- Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Điện I - Nàng Hương
- Công ty TNHH Chế tạo cột thép Đông Anh - Huyndai
- Công ty Cổ phần Tư vấn Điện I

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

- Xây lắp các công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình nguồn điện, các công trình công nghiệp, dân dụng, kỹ thuật hạ tầng, giao thông, thủy lợi, buru chính viễn thông;
- Sản xuất, kinh doanh điện;
- Sản xuất kinh doanh thiết bị, kết cấu thép, kim khí, vật liệu xây dựng, vật liệu và các phụ kiện công trình điện, chế tạo thiết bị xây dựng, thiết bị phi tiêu chuẩn; lắp đặt, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, đường dây cáp quang;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Kinh doanh bất động sản, khách sạn, du lịch và các dịch vụ khác;
- Tư vấn đầu tư, khảo sát, thiết kế xây dựng các công trình điện, công nghiệp, dân dụng, tư vấn giám sát, đền bù, giải phóng mặt bằng;
- Đào tạo nghề xây lắp điện;
- Khai thác và chế biến đá các loại;
- Đo đạc bản đồ địa chính, giải thửa, trích đo thửa đất để phục vụ đền bù thi công công trình;
- Sản xuất chế tạo cột thép, mạ kẽm nhúng nóng và các cấu kiện kim loại phục vụ dân dụng và công nghiệp;
- Tổ chức dịch vụ quản lý, vận hành và khai thác đô thị, nhà chung cư cao tầng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ Kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản tài sản có gốc ngoại tệ và công nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi ngược lại vào năm sau.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

Nhóm tài sản**Thời gian khấu hao (Năm)**

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản cố định khác	04

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất dài hạn và không thực hiện trích khấu hao.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Đầu tư vào Công ty con

Đầu tư vào Công ty con là khoản đầu tư mà thông qua đó, bên đầu tư nắm giữ quyền kiểm soát đối với bên nhận đầu tư. Phần vốn góp của Công ty mẹ vào Công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính của Công ty mẹ. Các khoản lợi nhuận từ hoạt động của Công ty con được ghi nhận trong Báo cáo tài chính của Công ty mẹ khi có quyết định chính thức về việc phân chia lợi nhuận của Hội đồng Quản trị (hoặc Đại hội cổ đông) Công ty con.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn gồm chi phí công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa, cải tạo nhà làm việc. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian sử dụng ước tính.

Các khoản phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Trường hợp Hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện Hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến Hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của Hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của Hợp đồng.

Việc xác định doanh thu của Hợp đồng xây dựng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và các yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

Lãi, lỗ thực tế của mỗi công trình thường chỉ được xác định đúng khi công trình đã hoàn thành, giá trị công trình đã được quyết toán và lãi, lỗ đối với phần khối lượng hoàn thành trong từng năm có thể chưa phản ánh đúng thực tế hoạt động kinh doanh của năm đó.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty mẹ, các Công ty con của Công ty mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐIỆN I

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	1.094.789.288	2.036.278.173
Tiền gửi Ngân hàng	13.329.296.886	21.424.935.431
Các khoản tương đương tiền	59.000.666.667	83.143.433.015
Tổng	73.424.752.841	106.604.646.619

5.2 PHẢI THU KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu khác		
<i>Phải thu khác (*)</i>	<i>17.296.610.186</i>	<i>30.640.371.023</i>
Tổng	17.296.610.186	30.640.371.023

(*) Các khoản phải thu khác hầu hết là tiền ứng trước cho các đội thực hiện thi công các công trình xây lắp.

5.3 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	13.919.901.534	5.193.871.295
Công cụ, dụng cụ	166.678.000	25.509.851
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	196.127.416.328	250.075.332.666
Hàng hóa	35.931.937.744	-
Tổng	246.145.933.606	255.294.713.812

5.4 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	5.192.275.899	5.497.327.596
Cầm cố, kỹ quỹ, ký cược ngắn hạn	365.011.018	423.573.998
Tổng	5.557.286.917	5.920.901.594

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐIỆN I

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.5 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH*Đơn vị tính: VND*

Năm 2010	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Tổng
<i>Nguyên giá</i>						
Tại ngày 01/01	17.822.594.294	32.038.159.251	17.218.746.769	2.634.734.281	15.770.000	69.730.004.595
Tăng trong năm	1.737.811.738	11.435.231.234	5.389.485.349	233.699.677	-	18.796.227.998
XDCB hoàn thành	1.737.811.738	-	-	-	-	1.737.811.738
Mua trong năm	-	11.435.231.234	5.389.485.349	233.699.677	-	17.058.416.260
Giảm trong năm	1.525.834.897	1.344.415.117	1.948.722.895	139.144.022	-	4.958.116.931
Thanh lý, nhượng bán	-	-	736.471.780	-	-	736.471.780
Góp vốn vào công ty con	1.525.834.897	1.344.415.117	1.212.251.115	139.144.022	-	4.221.645.151
Tại ngày 31/12	18.034.571.135	42.128.975.368	20.659.509.223	2.729.289.936	15.770.000	83.568.115.662
<i>Hao mòn lũy kế</i>						
Tại ngày 01/01	10.875.975.616	17.332.250.439	11.818.965.365	2.376.895.837	15.770.000	42.419.857.257
Tăng trong năm	1.024.065.604	4.304.173.760	1.134.485.023	137.338.077	-	6.600.062.464
Trích khấu hao	1.024.065.604	4.304.173.760	1.134.485.023	137.338.077	-	6.600.062.464
Giảm trong năm	1.124.019.117	1.232.558.727	1.696.398.097	119.558.048	-	4.172.533.989
Thanh lý, nhượng bán	-	-	644.592.326	-	-	644.592.326
Góp vốn vào công ty con	1.124.019.117	1.232.558.727	1.051.805.771	119.558.048	-	3.527.941.663
Tại ngày 31/12	10.776.022.103	20.403.865.472	11.257.052.291	2.394.675.866	15.770.000	44.847.385.732
<i>Giá trị còn lại</i>						
Tại ngày 01/01	6.946.618.678	14.705.908.812	5.399.781.404	257.838.444	-	27.310.147.338
Tại ngày 31/12	7.258.549.032	21.725.109.896	9.402.456.932	334.614.070	-	38.720.729.930

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.6 XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nâng cấp xưởng Yên Thường	1.889.478.509	-
Tổng	1.889.478.509	-

5.7 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Đại Mỗ	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Ba La	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I Miền Nam	7.000.000.000	7.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Mỹ Đình	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Nàng Hương	725.509.851	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Hoàng Mai	5.000.000.000	-
Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh - Hyundai	279.565.696	279.565.696
Tổng	28.005.075.547	22.279.565.696

Thông tin chi tiết về Công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

	Vốn điều lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ quyền	Ngành nghề kinh doanh
	(VND)	sở hữu	biểu quyết	
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Đại Mỗ	5.000.000.000	100,00%	100,00%	Xây lắp điện
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Ba La	5.000.000.000	100,00%	100,00%	Xây lắp điện
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I Miền Nam	7.000.000.000	100,00%	100,00%	Xây lắp điện
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Mỹ Đình	5.000.000.000	100,00%	100,00%	Xây lắp điện
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Nàng Hương	10.000.000.000	100,00%	100,00%	Dịch vụ
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Hoàng Mai	5.000.000.000	100,00%	100,00%	Xây lắp điện
Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh - Hyundai	2.857.000 USD	55,00%	55,00%	Sản xuất các loại cột thép mã kẽm, kết cấu thép, phụ tùng phụ kiện có liên quan và cung cấp dịch vụ về mạ; mua bán thép, kẽm và vật tư phục vụ sản xuất, chế tạo kết cấu thép; mua bán vật tư, thiết bị kỹ thuật điện.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐIỆN I

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.8 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon		
<i>Cổ phần cam kết mua</i>	400.000	400.000
<i>Số tiền đã góp</i>	4.000.000.000	2.000.000.000
Công ty CP Đầu tư và Khoáng sản Vinaincon		
<i>Cổ phần cam kết mua</i>	300.000	300.000
<i>Số tiền đã góp</i>	600.000.000	600.000.000

Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Vinaincon có ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao, vốn điều lệ 40.000.000.000 đồng.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Vinaincon có ngành nghề kinh doanh chính là thăm dò, khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản, vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng.

5.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
CCDC chờ phân bổ	3.816.691.732	716.671.103
Tổng	3.816.691.732	716.671.103

5.10 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Nội	90.779.326.348	52.394.938.065
Ngân hàng Công thương Hà Tây	25.277.656.520	15.703.261.123
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	110.432.177.952	85.896.822.045
Vay cá nhân	2.270.000.000	660.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Tổng	228.759.160.820	154.655.021.233

5.11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	4.611.583.047	18.311.843.759
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.453.782.900	6.391.729.900
Thuế thu nhập cá nhân	395.422.874	106.555.431
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	64.085.342	64.085.342
Tổng	20.524.874.163	24.874.214.432

5.12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí các công trình xây dựng	69.016.843.003	31.278.268.051
Chi phí lãi vay	-	15.665.933
Tổng	69.016.843.003	31.293.933.984

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐIỆN I

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.13 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	195.040.226	583.513.643
Bảo hiểm xã hội	101.776.189	94.889.975
Bảo hiểm y tế	17.429.227	20.790.395
Bảo hiểm thất nghiệp	7.746.322	
Cổ tức phải trả	1.679.485.050	2.292.632.050
Phải trả khác	15.727.899.203	19.517.812.386
Tổng	17.729.376.217	22.509.638.449

5.14 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí bảo hành công trình	10.374.066.523	-
Tổng	10.374.066.523	-

5.15 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay dài hạn		
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Nội	-	930.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	1.892.516.666	227.500.000
Nợ dài hạn	-	-
Tổng vay và nợ dài hạn	1.892.516.666	1.157.500.000
Trừ:	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Số dư vay và nợ dài hạn	1.892.516.666	1.157.500.000

5.16 VỐN CHỦ SỞ HỮU**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Theo Giấy chứng nhận ĐKKD			Vốn đã ghi nhận	
	CP	Số tiền	Tỷ lệ	31/12/2010	01/01/2010
		VND	%	VND	VND
Vốn Nhà nước	1.500.000	15.000.000.000	15%	10.000.000.000	15.000.000.000
Các cổ đông khác	8.500.000	85.000.000.000	85%	90.000.000.000	85.000.000.000
Tổng	10.000.000	100.000.000.000		100.000.000.000	100.000.000.000

Cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/CP)

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và thu tiền đầy đủ	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu thường	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐIỆN I

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.16 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**Biến động các quỹ***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Tại ngày 01/01/2009	66.670.000.000	3.334.000.000	-	2.370.924.600	1.174.405.659	-	12.811.335.762	86.360.666.021
Tăng trong năm	33.330.000.000	10.498.187.500	-	2.782.929.042	1.391.464.521	-	27.829.290.420	75.831.871.483
<i>Vốn góp</i>	<i>33.330.000.000</i>	<i>10.498.187.500</i>	-	-	-	-	-	<i>43.828.187.500</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	-	-	-	-	-	-	<i>27.829.290.420</i>	<i>27.829.290.420</i>
<i>Phân phối lợi nhuận</i>	-	-	-	<i>2.782.929.042</i>	<i>1.391.464.521</i>	-	-	<i>4.174.393.563</i>
Giảm trong năm	-	-	526.782.391	-	-	-	13.821.453.604	14.348.235.995
<i>Trích lập các quỹ</i>	-	-	-	-	-	-	<i>5.565.858.084</i>	<i>5.565.858.084</i>
<i>Chia cổ tức</i>	-	-	-	-	-	-	<i>8.239.808.000</i>	<i>8.239.808.000</i>
<i>Giảm khác</i>	-	-	<i>526.782.391</i>	-	-	-	<i>15.787.520</i>	<i>542.569.911</i>
Tại ngày 31/12/2009	100.000.000.000	13.832.187.500	(526.782.391)	5.153.853.642	2.565.870.180	-	26.819.172.578	147.844.301.509
Tại ngày 01/01/2010	100.000.000.000	13.832.187.500	(526.782.391)	5.153.853.642	2.565.870.180	-	26.819.172.578	147.844.301.509
Tăng trong năm	-	-	532.316.064	2.500.000.000	2.500.000.000	1.250.000.000	71.998.867.490	78.781.183.554
<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	-	-	-	-	-	-	<i>71.998.867.490</i>	<i>71.998.867.490</i>
<i>Phân phối lợi nhuận</i>	-	-	-	<i>2.500.000.000</i>	<i>2.500.000.000</i>	<i>1.250.000.000</i>	-	<i>6.250.000.000</i>
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá</i>	-	-	<i>532.316.064</i>	-	-	-	-	<i>532.316.064</i>
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	20.428.464.000	20.428.464.000
<i>Trích lập các quỹ</i>	-	-	-	-	-	-	<i>9.250.000.000</i>	<i>9.250.000.000</i>
<i>Chia cổ tức</i>	-	-	-	-	-	-	<i>11.178.464.000</i>	<i>11.178.464.000</i>
Tại ngày 31/12/2010	100.000.000.000	13.832.187.500	5.533.673	7.653.853.642	5.065.870.180	1.250.000.000	78.389.576.068	206.197.021.063

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.17 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	434.583.544.330	396.474.982.866
Doanh thu kinh doanh nhà dự án	296.299.865.945	40.618.950.380
Doanh thu gia công sản phẩm	52.728.797.449	151.996.342.346
Doanh thu khác	113.700.373.564	25.240.282.262
Tổng	897.312.581.288	614.330.557.854
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần	897.312.581.288	614.330.557.854

5.18 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	385.507.985.182	372.852.659.397
Giá vốn kinh doanh nhà dự án	228.892.300.492	29.338.142.237
Giá vốn gia công sản phẩm	45.591.414.494	126.098.830.986
Giá vốn khác	108.156.966.232	25.332.877.981
Tổng	768.148.666.400	553.622.510.601

5.19 DOANH THU/CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	6.894.927.736	1.905.441.544
Cổ tức lợi nhuận được chia	7.046.773.901	91.174.421
Tổng	13.941.701.637	1.996.615.965
Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	28.723.617.715	11.039.274.422
Tổng	28.723.617.715	11.039.274.422
Thu nhập tài chính - thuần	(14.781.916.078)	(9.042.658.457)

5.20 THU NHẬP/CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý vật tư, tài sản cố định	943.903.455	1.813.790.335
Đánh giá lại tài sản, CCDC góp vốn	-	400.813.191
Các khoản khác	10.115.550	5.492.109
Tổng	954.019.005	2.220.095.635
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của vật tư, tài sản thanh lý	354.395.744	2.218.114.817
Các chi phí khác	54.111.626	16.405.125
Tổng	408.507.370	2.234.519.942
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	545.511.635	(14.424.307)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐIỆN I

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.21 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	90.132.367.916	33.284.296.458
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>638.589.756</i>	<i>735.051.992</i>
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>(7.046.773.901)</i>	<i>(91.174.421)</i>
Thu nhập chịu thuế	83.724.183.771	33.928.174.029
<i>Trong đó:</i>		
Lợi nhuận tính thuế của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp	21.424.891.208	23.640.697.032
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Tỷ lệ ưu đãi	50%	50%
Chi phí thuế TNDN phải nộp	2.678.111.401	2.955.087.129
Lợi nhuận tính thuế của các hoạt động khác	62.299.292.563	10.287.476.997
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Chi phí thuế TNDN phải nộp	15.574.823.141	2.571.869.249
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	18.252.934.542	5.526.956.379

5.22 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	71.998.867.490	27.829.290.420
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	71.998.867.490	27.829.290.420
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	10.000.000	7.452.310
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	7.200	3.734

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 10.000đ/cổ phiếu.

5.23 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	433.800.847.090	360.665.939.919
Chi phí nhân công	212.786.462.755	178.895.487.866
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.635.173.613	6.914.071.524
Chi phí máy thi công	12.877.263.850	16.481.416.466
Chi phí sản xuất chung	87.938.748.972	78.041.779.537
Chi phí dịch vụ mua ngoài	890.346.027	1.705.799.431
Chi phí khác	39.490.871.111	23.660.399.364
Tổng	794.419.713.418	666.364.894.107

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC**6.1 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Các giao dịch bán		
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Đại Mỗ	-	95.238.095
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I Ba La	232.333.333	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I Miền Nam	257.595.000	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Mỹ Đình	50.666.667	455.741.186
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Hoàng Mai	369.606.060	-
Các giao dịch mua		
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Đại Mỗ	5.520.002.932	6.666.871.078
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Ba La	1.639.100.347	4.241.341.776
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I Miền Nam	68.007.225.667	60.551.242.434
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Mỹ Đình	12.402.552.146	16.664.288.392
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Nàng Hương	281.708.783	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Hoàng Mai	13.408.133.620	-
Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh - Hyundai	40.661.615.264	-
<u>Số dư với các bên liên quan</u>		
	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Các khoản phải trả		
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Đại Mỗ	1.299.711.926	2.640.428.448
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Ba La	-	380.665.871
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I Miền Nam	15.254.912.622	363.557.265
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Mỹ Đình	6.718.798.895	8.731.034.356
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Nàng Hương	32.576.500	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I - Hoàng Mai	3.506.146.841	-
Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh - Hyundai	18.525.194.722	-
Các khoản phải thu		
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I Ba La	2.738.038.482	-
Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh - Hyundai	-	34.676.422.533
<u>Thu nhập của các thành viên chủ chốt</u>		
	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lương và các khoản phụ cấp khác	2.251.005.209	1.843.299.286

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6.2 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Trong năm tài chính này, Công ty tiếp tục thực hiện các Hợp đồng thuê đất sau:

Nội dung	Diện tích đất năm (m2)	Số phải nộp theo Thông báo	
		Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Thuê đất tại 18 Lý Văn Phúc, Phường Cát Linh, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. HĐ thuê đất số 19-245-98/ĐC-HĐTĐ ngày 23/05/1998 ký với Sở Địa chính Hà Nội	590,56	95.050.632	32.111.700
Thuê đất tại xã Hoàng Văn Thụ, huyện Thanh Trì để xây dựng trụ sở và nhà ở . HĐ thuê đất số 366-245/ĐC-NĐ-HĐTĐ ngày 15/10/1999 ký với Sở Địa chính- Nhà đất Hà Nội	961	40.394.728	37.623.150
Thuê đất tại các xã Mỹ Đình, xã Xuân Phương, xã Đại Mỗ, xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội.	18.645,78	320.805.398	255.755.615
Thuê đất tại xã Yên Thường, huyện Gia Lâm để sử dụng vào mục đích sản xuất. HĐ thuê đất số 128-24599/ĐC-NĐ-HĐTĐ ngày 16/07/1999 ký với Sở Địa chính- Nhà đất Hà Nội	9.629,00	168.507.500	123.235.000
Thuê đất tại xã Tân Thành, thị xã Ninh Bình để sử dụng vào mục đích kinh doanh xây lắp đường dây tải điện. HĐ thuê đất số 79/HĐ-TĐ ngày 25/11/1997 ký với Sở Địa chính tỉnh Ninh Bình	2.886,9	3.637.000	3.637.000
Thuê đất tại Phú Lương, Hà Đông, tỉnh Hà Tây	8.660	96.734.000	-
Thuê đất tại Văn La, Hà Đông, tỉnh Hà Tây	1.193,5	55.092.800	12.174.000
Thuê đất tại Phú Lâm, Hà Đông, tỉnh Hà Tây	840,1	4.285.000	4.285.000
Thuê đất tại huyện Yên Mỗ, Ninh Bình	29.372	16.448.000	6.649.000
Cộng		800.955.058	475.470.465

7. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định trên những khía cạnh trọng yếu không có sự kiện nào quan trọng xảy ra sau ngày khóa sổ cần phải công bố trong báo cáo này.

8. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - thành viên đại diện Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.

(Đã ký)

Trịnh Văn Tuấn**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2011

(Đã ký)

Đoàn Thị Liên**Trưởng phòng TC - KT**